

HYPERDESMO® (CLASSIC VERSION)



ETA – 04/0082



Sơn chống thấm, bảo vệ gốc PU, 1 thành phần, dễ thi công

MÔ TẢ

HYPERDESMO® (CLASSIC VERSION) là

tiêu chuẩn công nghiệp trong chống thấm. Trong hơn 30 năm, nó đã cung cấp một giải pháp đơn giản để chống thấm và bảo vệ. Nó là một chất lỏng polyurethane một thành phần, có độ nhớt thấp, xử lý với độ ẩm trong khí quyển để tạo ra một màng đàn hồi cao với độ bám dính mạnh mẽ trên nhiều loại bề mặt.

Nó dựa trên nhựa polyurethane kỵ nước đàn hồi tinh khiết cộng với chất độn vô cơ đặc biệt, mang lại các đặc tính cơ học, hóa học, nhiệt, tia cực tím và các yếu tố tự nhiên tuyệt vời.

Thi công bằng chổi, con lăn hoặc phun sơn hai lớp. Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 1,5-1,8 kg / m².

TUÂN THỦ - CHỨNG NHẬN

- CE: ETA-04/0082.
- BBA: Chứng chỉ Agrément 18/5567
- Xem bảng dưới đây.
- ASTM C 836-95
- Chống gốc theo CEN / TS 14416

ỨNG DỤNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ

Chống thấm và bảo vệ:

- tấm thạch cao và xi măng,
- gạch (dưới),
- phòng tắm,
- mái nhà,
- tấm lợp nhẹ bằng kim loại hoặc xi măng sợi,
- màng nhựa đường.
- là màng chống thấm chính trong hệ thống chống thấm bãi đỗ xe.

GIỚI HẠN

Không được khuyến nghị cho:

- nền không chắc chắn (trong một số trường hợp, có thể áp dụng với việc sử dụng gia cố vữa địa kỹ thuật; vui lòng liên hệ với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để được tư vấn).
- Chống thấm bề mặt tiếp xúc với nước đã qua xử lý hóa chất.



Khi **HYPERDESMO® (CỔ ĐIỂN PHIÊN BẢN) XÁM TỐI** hoặc các màu tối khác được sử dụng trong các ứng dụng tiếp xúc, cần phải có một lớp sơn phủ bảo vệ **HYPERDESMO®-ADY-E** (luôn có sẵn ở màu mong muốn) hoặc **HYPERDESMO®-ADY 500**.

Để duy trì khả năng phản xạ ánh sáng mặt trời lâu dài và bảo vệ màu sắc tốt hơn, bạn nên sử dụng các lớp sơn phủ nói trên ngay cả khi **HYPERDESMO® (PHIÊN BẢN CỔ ĐIỂN)** là được áp dụng với màu sáng.

CÁC TÍNH NĂNG VÀ LỢI ÍCH

- Không cần pha loãng nhưng có thể sử dụng SOLVENT-01.
- Khả năng chống chịu thời tiết và tia cực tím tuyệt vời. Màu trắng phản chiếu phần lớn năng lượng mặt trời và do đó làm giảm đáng kể nhiệt độ bên trong của các tòa nhà.
- Khả năng chịu nhiệt tuyệt vời, sản phẩm không bao giờ bị mềm. Nhiệt độ bảo dưỡng tối đa 90 oC, nhiệt độ sốc tối đa 200 oC.
- Chống lạnh: Màng vẫn đàn hồi ngay cả khi xuống đến -40 oC.
- Tính chất cơ học tuyệt vời.

HYPERDESMO® (CLASSIC VERSION)



ETA – 04/0082



18/5567

- Kháng hóa chất tốt.
- Không độc hại sau khi chữa khỏi hoàn toàn.
- Truyền hơi nước: Màng thoáng khí nên không có sự tích tụ độ ẩm dưới lớp phủ.

QUY ĐỊNH THI CÔNG

Có thể áp dụng thành công trên:

Bê tông / bê tông cốt thép hoặc các loại khác, xi măng sợi, khảm, ngói lợp xi măng, lớp phủ acrylic và nhựa đường cũ (nhưng bám dính tốt), gỗ, kim loại bị ăn mòn và thép mạ kẽm. Để biết thông tin về các chất nền khác, vui lòng liên hệ với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi.

Điều kiện nền bê tông (tiêu chuẩn):

- Độ cứng: R28 = 15Mpa.
- Độ ẩm: W <10%.
- Nhiệt độ: 5-35 oC.
- Độ ẩm tương đối: <85%.

Lựa chọn lớp sơn lót cho các điều kiện và chất nền đặc biệt:

Vui lòng tham khảo Bảng lựa chọn sơn lót.

PHƯƠNG PHÁP THI CÔNG

Làm sạch bề mặt bằng máy phun rửa áp lực cao, nếu có thể. Loại bỏ các chất bẩn dầu, mỡ và sáp. Phải loại bỏ cặn xi măng, các hạt rời, chất tháo khuôn, màng đã đóng rắn. Trám các vết bất thường trên bề mặt bằng các sản phẩm thích hợp.

Lớp lót:

Áp dụng lớp sơn lót cần thiết theo các hướng dẫn ở trên.

Trộn:

Sử dụng máy trộn tốc độ thấp (300 vòng / phút). Có thể pha loãng tùy ý bằng 5-10% SOLVENT-01. Đối với thi công bằng cách phun mỏng (không có không khí) với 10% SOLVENT-01.

Thi công:

Thi công vật liệu bằng con lăn hoặc chổi quét ít nhất hai lớp. Để 6-24 giờ giữa các lớp sơn. Nếu thời gian trôi qua nhiều hơn (ví dụ hơn 4 ngày) hoặc nếu bạn không chắc chắn về độ bám dính của lớp xen kẽ, vui lòng liên hệ với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi.

ĐINH MỐC TIÊU DÙNG

Lớp thứ nhất: 0,75-0,9 kg / m². Lớp thứ hai: 0,75-0,9 kg / m².

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 1,5-1,8 kg / m².

LÀM SẠCH

Trước tiên hãy làm sạch dụng cụ và thiết bị bằng khăn giấy, sau đó sử dụng SOLVENT-01. Con lăn sẽ không thể tái sử dụng được.

ĐÓNG GÓI

1 kg, 6 kg, 15 kg, 25 kg.

HẠN DÙNG

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng trong thùng chưa mở ban đầu ở những nơi khô ráo và ở nhiệt độ 5-25 oC. Sau khi một thùng đã được mở, hãy sử dụng càng sớm càng tốt.

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Chứa dung môi dễ cháy dễ bay hơi. Thi công nơi thông thoáng, không hút thuốc, tránh xa ngọn lửa. Trong không gian kín sử dụng máy thở và mặt nạ hoạt tính carbon. Hãy nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng len lỏi trên sàn nhà. MSDS (Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu) có sẵn theo yêu cầu.

HYPERDESMO® (CLASSIC VERSION)



ETA – 04/0082



PHÂN LOẠI THEO EOTA (TỔ CHỨC KỸ THUẬT CHÂU ÂU PHÊ DUYỆT) & BBA (BAN ĐIỀU HÀNH ANH QUỐC)

YÊU CẦU	HYPERDESMO®	HYPERDESMO® + HYPERDESMO®-ADY
Cuộc sống làm việc dự kiến tối thiểu	W3 (25 năm)	W2 (10 năm)
Vùng khí hậu	S (khắc nghiệt)	
Người dùng tải	P1	P3
Mái dốc	S1-S4	
Nhiệt độ bề mặt tối thiểu	TL3 (-20 °C)	
Nhiệt độ bề mặt tối đa	TH4 (90 °C)	
Tiếp xúc với lửa bên ngoài	Broof (t1,t4)	
Phản ứng với lửa	Class E	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Sản phẩm ở dạng lỏng (trước khi ứng dụng):

ĐẶC TÍNH	Đơn vị	Phương pháp	Chi tiết
Độ nhớt (BROOKFIELD)	cP	ASTM D4287, @ 25 °C	3,000-6,000
Trọng lượng riêng	gr/cm ³	ASTM D1475 / DIN 53217 / ISO 2811, @ 20°C	1.35-1.45
Điểm sáng	°C	ASTM D93, closed cup	35
Giành thời gian rãnh, @ 77 oF (25	Giờ	-	4
oC) & 55% RH	Giờ	-	6-24

Màng bảo dưỡng:

ĐẶC TÍNH	Đơn vị	Phương pháp	Chi tiết
Nhiệt độ phục vụ	°C	-	-40 to 90
Tối đa nhiệt độ thời gian ngắn	°C	-	200

HYPERDESMO®

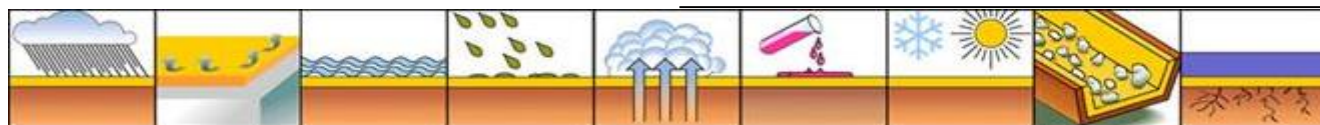
(CLASSIC VERSION)



ETA – 04/0082



Độ cứng	Shore A	ASTM D2240 / DIN 53505 / ISO R868	>60
Độ bền kéo khi đứt @	Kg/cm ² (N/mm ²)	ASTM D412 / EN-ISO-527-3	>80 (>8)
23 oC	%	ASTM D412 / EN-ISO-527-3	> 500
Độ giãn dài phần trăm ở 23 oC	gr/m ² .hr	ASTM E96 (Water Method)	0.8
Truyền hơi nước	Kg/cm ² (N/mm ²)	ASTM D4541	> 20 (> 2)
Kết dính với bê tông	-	ASTM G53	đã trôi qua (2000 giờ)
Kiểm tra thời tiết gia tốc QUV (4 giờ UV, @ 60 oC (UVB- Đèn) & 4 giờ COND @ 50	-	-	không có chất đàn hồi đáng kể
oC)	-	-	thay đổi tài sản
Thủy phân (8% KOH, 15	-	-	không đáng kể
ngày @ 50 ° C)	-	-	thay đổi đặc tính đàn hồi
Thủy phân (H ₂ O, chu kỳ 14 ngày RT-100 ° C)	-	EOTA TR011	không có chất đàn hồi đáng kể



KHÔNG CÓ HƯỚNG DẪN VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐÃ CÔNG BỐ CỦA CHÚNG TÔI, TRONG BÀI VIẾT HOẶC CÁCH KHÁC, ĐANG RÀNG BẮT KỲ ĐỐI VỚI BẤT KỲ QUYỀN NÀO CỦA BÊN THỨ BA, HOẶC HÃY TIN CẬY CÁC BÊN QUAN TÂM CỦA MÌNH NHIỆM VỤ NỘP SẢN PHẨM PHÙ HỢP VỚI BẤT KỲ KIỂM TRA YÊU CẦU NÀO. TRONG MỌI SỰ KIỆN, ALCHIMICA S.A. SẼ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CÁC THIẾT HẠI CỦA BẤT KỲ THIÊN NHIÊN NÀO, VÌ VIỆC SỬ DỤNG HOẶC LIÊN QUAN TỚI THÔNG TIN HOẶC SẢN PHẨM MÀ THÔNG TIN THAM KHẢO. ALCHIMICA S.A. BẢO LƯU QUYỀN THAY ĐỔI BẤT CỨ ĐẶC TÍNH CỦA CÁC SẢN PHẨM CỦA NÓ. VUI LÒNG THAM KHẢO PHIÊN BẢN HIỆN TẠI CỦA BẢNG DỮ LIỆU KỸ THUẬT, CỔ TỪ TRANG WEB CỦA CHÚNG TÔI WWW.ALCHIMICA.COM